

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HS-ST

Ngày: 15/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Ông Nguyễn Duy Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên

Ngày 15/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Bùi Thị H** - Sinh năm 1991; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số nhà N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức T và bà: Dương Thị C; chồng: Lê Tiến T và có 02 con (con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị Huyền T** - Sinh năm 1990; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: SN B, đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Anh T và bà: Lê Thị T; chồng: Vũ Ngọc M và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn T – Sinh năm 1969(có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Phan Thị N - Sinh năm 1994 (vắng).

Trú tại: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bà Hoàng Thị Sâm – Sinh năm 1971(vắng).

Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Trung V – Sinh năm 1991(vắng).

Trú tại: SN 31 Lê Phụ, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Nguyễn Ngọc H – Sinh năm 1987(vắng).

Trú tại: SN 01/457 Hàm Nghi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay tiền, nên ngày 23/4/2022, ông Phan Văn T, sinh năm 1969, trú tại thôn Thị Thụ, xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá đến gặp Lê Thị Huyền T - là cán bộ ngân hàng Phương Đông, chi nhánh 380 Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hoá nói với T việc ông T đang thế chấp nhà, đất ở thôn Thị Thụ, xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá tại ngân hàng Coopbank với số tiền 406.000.000đ (Bốn trăm lẻ sáu triệu đồng), nay muốn vay thêm để lấy vốn làm ăn. Sau khi gặp ông Thành, Lê Thị Huyền Trang đã trao đổi lại toàn bộ nội dung với Bùi Thị Hồng (làm cùng chi nhánh ngân hàng Phương Đông với Trang). Hồng đồng ý đưa tiền cho Trang để Trang trực tiếp cho ông Thành vay thời hạn 1 tháng, lãi suất vay là 5000đ/1 triệu/1 ngày, với điều kiện ông Thành phải viết 01 Giấy hợp đồng đặt cọc mua bán bất động sản, nội dung ông Thành nhận tiền cọc của Hồng 500 triệu đồng và đồng ý bán tài sản là nhà đất cho Hồng, số tiền lãi thu được Hồng và Trang thống nhất Trang được hưởng 1.000đ/1 triệu/1 ngày, số còn lại là của Hồng.

Sau khi thống nhất cả hai đã cho ông T vay 500 triệu đồng thời hạn 1 tháng, với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày, đã cắt lãi trước là 75 triệu đồng cộng 15 triệu phí tiền làm hồ sơ vay vốn (phí giữa hai bên thỏa thuận làm) và làm thủ tục sang tên tài sản cho con gái ông T là chị Phan Thị N, sinh năm 1994 ở thôn Hanh Cát 1, xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá để chị Nhung đứng ra vay vốn, do ông Thành bị nợ xấu nên ngân hàng không cho vay. Trang cho biết toàn bộ thời gian đến khi con gái anh Thành vay được vốn ngân hàng trong vòng 1 tháng là xong, khi con gái ông Thành được ngân hàng giải ngân khoản vay thì Trang sẽ trừ luôn số tiền vay gốc(500 triệu) ông Thành vay, ông Thành đồng ý.

Ngày 23/5/2022, sau khi ông Thành viết 01 giấy Hợp đồng đặt cọc mua bán đất động sản, nội dung ông T nhận cọc số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng từ H), Hồng đã chuyển cho Trang số tiền 410 triệu đồng để Trang chuyển cho ông Thành vay (do H đã cắt trước 75 triệu tiền lãi tháng và 15 triệu tiền phí làm hồ sơ vay vốn; phí làm giấy tờ đất sang tên con gái ông Thành). Có được số tiền từ Trang ông Thành sử dụng số tiền này đến ngân hàng Coopbank thanh toán công nợ, lấy trích lục thế chấp về đưa cho Trang để làm thủ tục sang tên cho con gái là Phan Thị Nhung. Do vẫn cần thêm tiền, nên ngày 26/5/2022, ông T gọi điện cho H để vay thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cũng với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày, Hồng đồng ý và yêu cầu ông T viết lại giấy Hợp đồng đặt cọc mua bán đất

động sản từ 500 triệu thành 550 triệu. Cùng ngày, Hồng chuyển khoản cho Trang 50 triệu đồng để Trang chuyển cho ông Thành, Trang chuyển khoản lại cho ông Thành số tiền 42.500.000đ (Bốn hai triệu năm trăm nghìn đồng) – Trang đã cắt trước 01 tháng lãi cho số tiền 50 triệu là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng ông T viết giấy nhận 550 triệu, nhưng chỉ nhận từ T số tiền 452.500.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) do đã bị Trang và H trừ lãi vay 1 tháng lãi tháng là 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), cùng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền phí làm hồ sơ, giấy tờ. Hiện tại ông T chưa trả được số tiền vay gốc.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập xác định, số tiền mà Bùi Thị H và Lê Thị Huyền T cho anh Phan Văn T vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất vay là 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày tương đương với lãi suất vay 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần so với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi cả hai thu được là 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó số tiền được phép thu là 9.166.667đ (Chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền cả hai thu lời bất chính là 73.333.333đ (Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong số tổng tiền lãi đã cắt trước của ông Thành thì Trang được hưởng 16.500.000đ, hiện Trang mới hưởng 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), Hồng được hưởng 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, các Bùi Thị Hồng và Lê Thị Huyền Trang đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Thu giữ và xử lý vật chứng:

- Ngày 01/10/2022, Bùi Thị H giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 Giấy hợp đồng đặt cọc mua bán bất động sản do anh Phan Văn Thành, tỉnh Thanh Hoá viết ngày 23/5/2022. Nội dung: anh Phan Văn Thành có nhận cọc của Bùi Thị Hồng số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Ngày 30/9/2022, anh Phan Văn T giao nộp 01 bản photo Giấy hợp đồng đặt cọc mua bán bất động sản do anh Phan Văn Thành viết ngày 23/5/2022, nội dung anh Thành nhận cọc của Bùi Thị Hồng số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); 01 phiếu sao kê tài khoản ngân hàng Agribank số 3512205032990 mang tên anh Phan Văn Thành nội dung thể hiện ngày 23/5/2022 Lê Thị Huyền Trang chuyển khoản 2 lần cho anh Thành với số tiền 250 triệu và 160 triệu tổng 410 triệu, ngày 26/5/2022 Trang chuyển khoản cho ông Thành số tiền 42.500.000 đồng.

- Ngày 17/11/2022, Hoàng Trung V, sinh năm 1991, trú tại SN 31 Lê Phú, P. Đông Sơn, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá – là cán bộ phòng công chứng Đăng Xuân Thành, giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 bản Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà văn phòng công chứng Đăng Xuân Thành đã chứng thực vào ngày 31/5/2022 giữa anh Phan Văn Thành, vợ là Hoàng Thị Sâm với con gái là Phan Thị Nhung.

- Ngày 21/12/2022, anh Phan Văn T giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 (một) USB màu xanh đen, kích thước 4GB, cạnh trái USB có dãy số 6843776223 bên trong có chứa đoạn File ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh Thành với Bùi Thị Hồng

và Lê Thị Huyền T vào ngày 16/9/2022, Cơ quan điều tra sau khi tiến hành làm việc với những người liên quan(hiện đang có trong hồ sơ vụ án).

- Ngày 01/10/2022, Lê Thị Huyền Trang giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số DH072761, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00434 mang tên Phan Thị Nhung.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT-VKS ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá đã truy tố Bùi Thị Hồng, Lê Thị Huyền T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS đối với các bị cáo.

Về hình phạt VKS đề nghị xử phạt:

- Phạt tiền là hình phạt chính đối với Bùi Thị H từ 70 – 90 triệu đồng.

- Phạt tiền là hình phạt chính đối với Lê Thị Huyền T từ 50 – 70 triệu đồng.

Truy thu xung quỹ Nhà nước 75.000.000đ đối với H; 7.500.000đ đối với T.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo Hồng còn đề nghị xem xét trả lại số tiền mà bị cáo đã cho ông Thành vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội:

Trong các ngày từ ngày 23/5 đến 26/5/2022, Bùi Thị H và Lê Thị Huyền T đã cho ông Phan Văn Thành vay số tiền là: 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 01 tháng với lãi suất vay là 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày tương đương với lãi suất vay 182,5%/ năm, gấp 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi Bùi Thị H và Lê Thị Huyền T thu được là 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và đã thu lợi bất chính là 73.333.333đ (Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của Bùi Thị Hồng, Lê Thị Huyền Trang có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS” như cáo trạng của VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố là đúng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật và do nhu cầu cần vay tiền của một số cá nhân, các bị cáo đã cho vay với lãi suất cao nhằm thu lời bất chính. Đây là vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính bột phát, tuy nhiên cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt. Bị cáo Lê Thị Huyền T là người trực tiếp gặp, đặt vấn đề, giao dịch với ông Phan Văn T, nhưng Bùi Thị H cung cấp tiền là phương tiện phạm tội cho T thực hiện, chỉ đạo T thỏa thuận lãi suất, yêu cầu ông T viết giấy nhận nợ, được hưởng lợi nhiều hơn từ việc thu lời bất chính nên Hồng giữ vai trò đầu của vụ án và mức hình phạt của Bùi Thị H phải cao hơn Lê Thị Huyền T là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Mặc dù hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng đây là loại tội phạm ít nghiêm trọng, nên khi quyết định hình phạt không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương mà cần áp dụng Điều 35 BLHS phạt mỗi bị cáo một khoản tiền là hình phạt chính để nộp ngân sách nhà nước cũng đủ sức răn đe giáo dục.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Tổng số tiền các bị cáo cho ông Phan Văn T vay 550 triệu, nhưng trên thực tế ông Thành chỉ được nhận số tiền 452.500.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), vì do đã bị T và H trừ khoản lãi vay 1 tháng là 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), cùng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền phí làm hồ sơ, giấy tờ. Do đó cần xác định số tiền mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là 550 triệu đồng, do đó áp dụng Điều 47 BLHS để truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước toàn bộ khoản tiền này. Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn Thành đã tự giác đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa giao nộp lại số tiền 452.500.000đ, số tiền còn lại 97.500.000đ, lẽ ra các bị cáo phải giao cho ông Phan Văn Thành nhưng các bị cáo giữ lại để trừ vào số tiền lãi và chi phí khác, nên tiếp tục truy thu từ các bị cáo để nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền này. Cụ thể Bùi Thị Hồng trừ vào khoản tiền lãi suất là 75.000.000đ và giữ lại 15.000.000đ để chi phí cho tiền làm hồ sơ, Lê Thị Huyền Trang được hưởng 7.500.000đ, vì vậy cần truy thu từ Hồng số tiền 90 triệu đồng và truy thu từ Trang 7.500.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm và khoản lãi suất trên 20%/năm mà trên giấy tờ thể hiện các bị cáo đã thu của ông Thành là 82.500.000đ, trong đó lãi suất 20%/năm là: 9.166.667đ (Chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước; khoản tiền thu lời bất chính 73.333.333đ (Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) nhẽ ra các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Thành. Tuy nhiên khoản tiền này ông Thành chưa phải trả cho các bị cáo mà đã được trừ vào số tiền gốc khi viết giấy vay nợ và khoản tiền này được tính vào số tiền làm phương tiện, công cụ phạm tội để tịch thu nộp ngân sách nhà nước nên các bị cáo không phải trả lại cho ông Thành số tiền này.

Đối với số tiền 15.000.000đ Lê Thị Huyền T khai đã bỏ ra để chi phí làm hồ sơ, giấy tờ về đất nhưng Trang không có hóa đơn, chứng từ giao nộp cho Tòa án và tại phiên tòa giữa Trang và ông Thành không thỏa thuận được với nhau. Nên không có căn cứ xem xét mà giành quyền cho Trang khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số DH072761, vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00434 mang tên Phan Thị Nhung mà Lê Thị Huyền Trang giao nộp, không phải là vật chứng vụ án, là giấy tờ về quyền sở hữu tài sản của chị Nhung, gia đình chị Nhung có văn bản đề nghị Tòa án trả lại và đã được trả lại đầy đủ nên HĐXX không xem xét.

Đối với Hoàng Trung Vũ, sinh năm 1991 là cán bộ phòng công chứng Đặng Xuân Thành, người chỉ được Hồng và Trang nhờ làm thủ tục sang tên đổi chủ Quyền sử dụng đất. Ngoài ra Vũ không biết và không liên quan đến việc cho vay lãi nặng của Trang và Hồng, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

Trước khi mở phiên tòa, Lê Thị Huyền T đã mời các luật sư Vũ Văn Xuyên, Vũ Viết Tự, Ngô Văn Thạnh bào chữa cho mình. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Trang đã từ chối mời các luật sư bào chữa cho mình.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS; Khoản 1, khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị H, Lê Thị Huyền T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt:

- Bùi Thị H 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.
- Lê Thị Huyền T 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu số tiền 452.500.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Phan Văn Thành để nộp ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 452.500.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) ông Thành đã nộp theo biên lai thu số 0001309 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (ông T đã nộp đủ).

- Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) đối với Bùi Thị H.

- Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đối với Lê Thị Huyền T.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TPTH;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TPTH;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Hào

